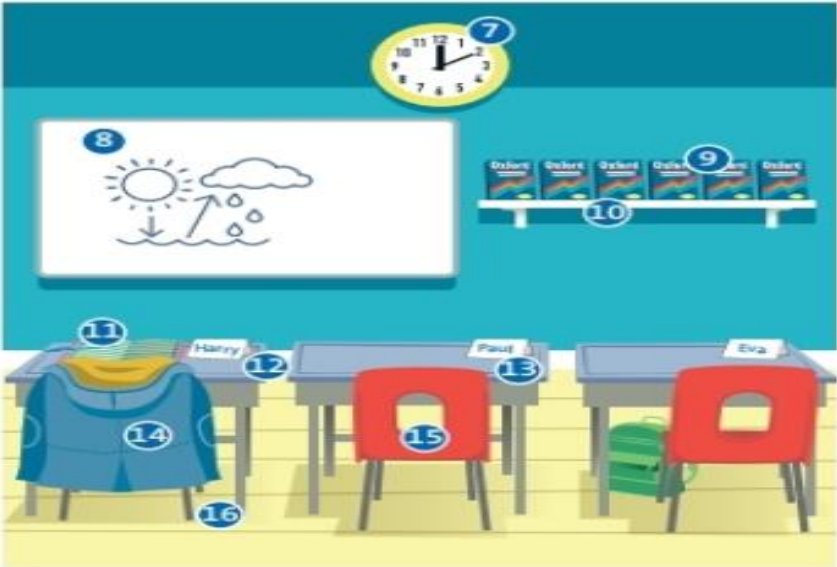


PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC TIẾNG ANH 6

STARTER UNIT – VOCABULARY_ Tiết 3

NỘI DUNG	GHI CHÚ																
I. Đọc và thực hiện các yêu cầu Yêu cầu 1: Nối các từ trong khung với các tranh thích hợp Em hãy dựa vào kiến thức đã được học để tìm đúng tên đồ vật. Lưu ý những đồ vật đó liên quan đến chủ đề gì.	Ngữ liệu (Sách học sinh –trang <table><tr><td>table</td><td>drawer</td><td>mobile phone</td><td>poster</td></tr><tr><td>laptop</td><td>speaker</td><td>desk</td><td>coat</td></tr><tr><td>chair</td><td>notebook</td><td>pen</td><td>shelf</td></tr><tr><td></td><td>dictionary</td><td>clock</td><td>board</td></tr></table>  	table	drawer	mobile phone	poster	laptop	speaker	desk	coat	chair	notebook	pen	shelf		dictionary	clock	board
table	drawer	mobile phone	poster														
laptop	speaker	desk	coat														
chair	notebook	pen	shelf														
	dictionary	clock	board														

Yêu cầu 2: Xem phần từ vựng và tự kiểm tra phần nối ở trên.

Yêu cầu 3: Nhìn vào tranh và đoán nghĩa các giới từ sau.

1. on: trên
2. near : gần
3. under: sau
4. between : ở giữa
5. in :trong
6. next to : bên cạnh
7. opposite : đối diện

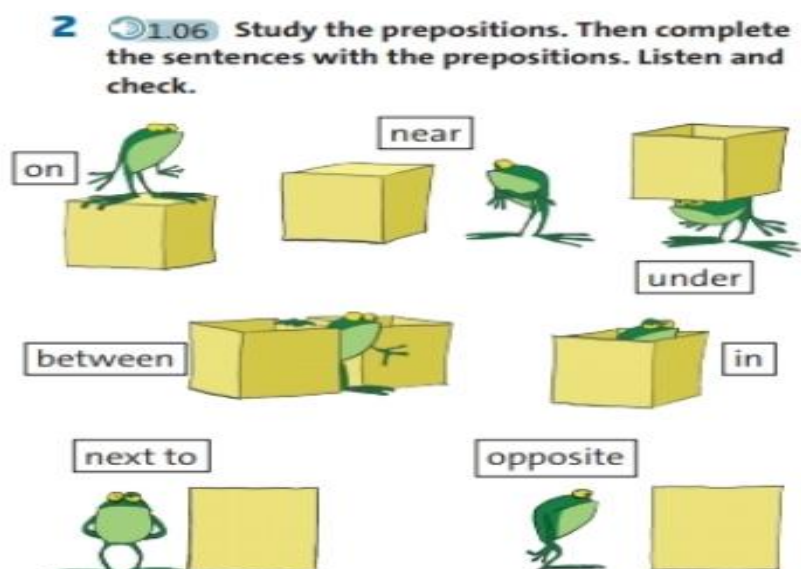
Yêu cầu 4: Đoán giới từ đúng cho những câu sau

*** New words**

- | | |
|---|----------------------------|
| 1. table (n) : cái bàn | 9. bag (n): bao, túi. |
| 2.drawer (n): ngăn kéo | 10. chair (n): ghế |
| 3. mobile phone (n): điện thoại di động | 11.notebook (n): tập , vở |
| 4. potster (n): áp phích | 12. pen (n): bút bi |
| 5. laptop (n): máy tính xách tay | 13. shelf(n) giá sách |
| 6. speaker (n) cái loa | 14. board (n) cái bảng |
| 7.desk (n): bàn học sinh | 15. dictionary(n): từ điển |
| 8. coat (n): áo khoác | 16. clock (n): đồng hồ. |

Ngữ liệu

Student Book –trang 8



Ngữ liệu : (Sách học sinh –trang 8)

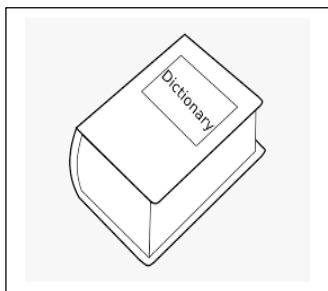
- Sử dụng tranh ở phần 1 và giới từ ở phần 2 để đoán giới từ cho phần bên.

- 1 The dictionaries are the shelf.
- 2 The teacher's mobile is the drawer.
- 3 The laptop is the speakers.
- 4 The students' chairs are their desks.
- 5 The poster is the teacher's table.
- 6 Harry's coat is his chair.
- 7 Eva's bag is her desk.
- 8 The clock is the board.
- 9 The board is the students' desks.
- 10 Harry's pen is his notebook.

II. Kiểm tra đánh giá quá trình tự học

PHIẾU HỌC TẬP TIẾNG ANH 6 STARTER UNIT- LANGUAGE FOCUS - Tiết 3

I. Correct the sentences (5pts)



It's a laptop

->It's isn't a laptop.

>.....

It's a dictionary



It's a notebook

->.....

.....

.....



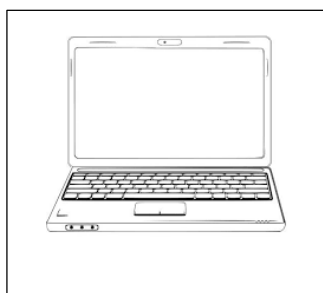
It's a dictionary



It's a coat

->.....

.....



It's a pen

->.....

.....

.....



It's a bag

.....

II. Look at the pictures. Complete the sentences with the given prepositions (5pts)



1. The clock is.....**on**.....the shelf.
2. The bag is.....the chair.
3. The dictionary is.....the drawer.
4. The desk is.....the table.
5. The mobile phone is.....the laptop and speaker.
6. The poster is.....the board.

III. Thắc mắc, trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học: Tiếng Anh 6

A. Nội dung học tập

I. Yêu cầu 1

.....

.....

.....

.....

II. Yêu cầu 2

.....

.....

.....

.....

III. Yêu cầu 3

.....

.....

.....

IV. Yêu cầu 4

.....

.....

.....

.....

V. Phiếu học tập

.....

.....

.....

.....

B. Câu hỏi của học sinh

1.
2.
3.
-
-